

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 124 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2021
V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình
Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 21
tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 20/2021/QĐXX ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Cao Thị L sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2021 và các văn bản tố tụng khác
nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị L tổ
chức cưới hỏi vào tháng 4/2009, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu khoảng 01
năm rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân
dân xã Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cấp. Sau khi cưới, vợ
chồng sống tại nhà của cha mẹ anh ở A. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc.
Đến năm 2012 thì chị L thay đổi tính tình, có việc chị tự quyết định không bàn bạc
với chồng, cụ thể nhiều lần chị L lấy xe máy đem thế chấp để vay tiền tự chi tiêu
riêng. Trong gia đình thì chị luôn vô cớ gây chuyện, ăn nói xúc phạm đến cha
mẹ chồng, không quan tâm đến các con. Vợ chồng còn có mâu thuẫn vặt trong
cuộc sống hằng ngày. Mỗi lần kinh cãi là chị bỏ nhà đi, anh và gia đình khuyên
giải, động viên nhưng chị không thay đổi mà vẫn tính nết như vậy nên mâu thuẫn

vợ chồng càng ngày trầm trọng hơn. Lần chị L bỏ đi cuối cùng là ngày 18/4/2018, ngay sau đó, anh đã nhiều lần gọi điện thoại, liên lạc tất cả các kênh như Facebook, Zalo nhưng chị L đã chặn liên lạc, anh đã tìm kiếm trên mọi phương tiện thông tin, ngay cả hỏi thăm qua những người thân nhưng không có thông tin gì về chị L. Năm 2020 anh đã làm thủ tục tuyên bố chị L mất tích. Hiện nay, anh không còn tình cảm với chị L, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Cao Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày: 31/3/2010 và Nguyễn Xuân Huy H1, sinh ngày: 10/10/2013. Hiện nay các con chung đang ở với anh. Ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh là bộ đội, thu nhập mỗi tháng 13.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Cao Thị L vắng mặt không có lời trình bày tại hồ sơ. Theo Quyết định số 17/2020/QĐST-VDS ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A tuyên bố chị Cao Thị L mất tích. Qua xác minh người thân cũng như chính quyền địa phương thể hiện chị L bỏ đi biệt tích từ tháng 4/2018 cho đến nay, không có tin tức gì.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H ly hôn với chị Cao Thị L.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày: 31/3/2010 và Nguyễn Xuân Huy H1, sinh ngày: 10/10/2013, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên miễn xét.

Về tài sản chung: Anh H không có yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Buộc anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mặt tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn H yêu cầu ly hôn với chị Cao Thị L và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn chị Cao Thị L có nơi cư trú cuối cùng tại phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L bị tuyên bố mất tích nên theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị L có tổ chức cưới hỏi, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, theo quy định pháp luật quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh H - chị L đã phát sinh mâu thuẫn. Chị bỏ nhà đi nhiều lần, lần cuối cùng là ngày 18/4/2018 chị bỏ đi biệt tích không có thông tin liên lạc. Tại Quyết định số 17/2020/QĐST-VDS ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã A đã tuyên bố chị Cao Thị L mất tích, quyết định này đã có hiệu lực. Qua xác minh người thân và chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của chị xác định từ thời điểm cuối cùng chị bỏ đi cho đến phiên tòa hôm nay chị L vẫn vắng mặt tại nơi cư trú. Vì vậy, yêu cầu của anh H xin ly hôn với chị Cao Thị L là có căn cứ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị L Có 02 người con chung cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày: 31/3/2010 và cháu Nguyễn Xuân Huy H1, sinh ngày: 10/10/2013. Hiện các con đang ở với anh, việc học hành và sức khỏe của các cháu bình thường, nguyện vọng của 02 cháu đều muốn ở với anh H. Anh H có thu nhập ổn định nên giao cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai người con chung sau ly hôn là phù hợp đúng với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị L. Tòa sẽ xem xét khi có thông tin về chị và khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh H xác định không có tài sản chung và không nợ ai, hiện cũng không có chứng cứ nào thể hiện có tài sản liên quan đến chị L nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng vào khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H cho anh ly hôn với chị Cao Thị L.

2. Về nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao 02 người con chung cháu Nguyễn Hoàng Anh T, sinh ngày: 31/3/2010 và Nguyễn Xuân Huy H1, sinh ngày: 10/10/2013 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L do anh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Hiện không có chứng cứ nào thể hiện có tài sản liên quan đến chị L nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001516 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H và chị Cao Thị L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã T1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Kiều Oanh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2021/QĐ-SCBSBA

A, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về số liệu trong bản án số: 124/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Đường N, khu vực N2, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Cao Thị L, sinh năm: 1987

Nơi cư trú cuối cùng: Đường N, khu vực N2, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 124/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A như sau:

Tại dòng thứ 13 từ dưới lên, trang 1 của bản án đã ghi: “**Bị đơn:** Chị Cao Thị L, sinh năm: **1981**”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “**Bị đơn:** Chị Cao Thị L, sinh năm: **1987**”

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Kiều Oanh